

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Cái Răng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT- BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) và danh mục dự án thực hiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (trên 10ha) năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1360/TTr-STNMT ngày 29 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Cái Răng với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2021

Đơn vị tính diện tích: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P. Lê Bình	P. Ba Láng	P. Thường Thạnh	P. Hưng Phú	P. Hưng Thạnh	P. Tân Phú	P. Phú Thứ
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+ ..+(13)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	LOẠI ĐẤT		6.781,73	243,17	465,60	1.066,02	870,40	913,12	1.090,07	2.133,35
1	Đất nông	NNP	3.359,42	55,39	283,03	770,61	107,76	394,27	507,78	1.240,58

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P. Lê Bình	P. Ba Láng	P. Thường Thạnh	P. Hưng Phú	P. Hưng Thạnh	P. Tân Phú	P. Phú Thứ
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+ ..+(13)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	sở khoa học và công nghệ									
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,26						0,26	
	Đất giao thông	DGT	588,17	26,59	31,12	48,71	90,78	149,79	59,15	182,03
	Đất thủy lợi	DTL	22,52							22,52
	Đất công trình năng lượng	DNL	4,40	0,02	0,10	3,50				0,78
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,23	0,05			1,87		0,23	0,08
	Đất chợ	DCH	1,69	0,30		0,18				1,21
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,56			0,56				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,10		1,53	2,57				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT								
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.068,23	99,18	57,59	145,06	150,64	219,57	106,95	289,24
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,90	3,83	0,73	0,66	2,50	1,52	3,23	4,43
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,22	0,12			0,10			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,25	5,85	0,10	0,69	0,32	0,61	0,42	1,26
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	13,86	0,66	11,71	0,18	0,11	1,20		
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,85						0,47	2,38
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,84	0,07	0,06	0,09	0,08	0,17	0,10	0,27
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	41,83				22,86	14,46		4,51
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,37	0,05	0,27	0,61	0,05	0,07	0,42	0,90
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.064,51	28,77	31,69	55,45	305,48	68,23	294,13	280,76
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,65				6,65			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P. Lê Bình	P. Ba Láng	P. Thường Thạnh	P. Hưng Phú	P. Hưng Thạnh	P. Tân Phú	P. Phú Thứ
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+...+(13)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	13,97				13,45	0,52		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	14,91				14,91			

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021

Đơn vị tính diện tích: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P. Lê Bình	P. Ba Láng	P. Thường Thạnh	P. Hưng Phú	P. Hưng Thạnh	P. Tân Phú	P. Phú Thứ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng diện tích		220,10	2,00	4,59	13,10	46,65	69,64	5,90	78,22
1	Đất nông nghiệp	NNP	217,52	1,90	4,59	13,00	45,00	68,91	5,90	78,22
1.1	Đất trồng lúa	LUA	84,55		0,77	6,55	19,85	28,83	3,10	25,45
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	37,94				2,00	14,72		21,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	95,03	1,90	3,82	6,45	23,15	25,36	2,80	31,55
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,58	0,10		0,10	1,65	0,73		
2.1	Đất ở tại đô thị	ODT	2,58	0,10		0,10	1,65	0,73		

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021

Đơn vị tính diện tích: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P. Lê Bình	P. Ba Láng	P. Thường Thạnh	P. Hưng Phú	P. Hưng Thạnh	P. Tân Phú	P. Phú Thứ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.....+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	247,83	5,90	8,59	17,00	45,16	76,06	9,90	85,22
-	Đất trồng lúa	LUA/PNN	92,81	1,00	1,77	7,55	20,01	30,93	4,10	27,45
-	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	40,44	0,50	0,50	0,50	2,00	14,72	0,50	21,72
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	114,58	4,40	6,32	8,95	23,15	30,41	5,30	36,05
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		130,00		15,00	35,00		20,00	25,00	35,00
-	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	105,00		10,00	30,00		15,00	20,00	30,00
-	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm	HNK/CLN	25,00		5,00	5,00		5,00	5,00	5,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P. Lê Bình	P. Ba Láng	P. Thường Thạnh	P. Hưng Phú	P. Hưng Thạnh	P. Tân Phú	P. Phú Thứ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.....+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,20	0,30	0,30	0,30				0,30

Điều 2. Ủy ban nhân dân quận Cái Răng có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đến các đơn vị có liên quan và trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, phối hợp rà soát quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ quận đến phường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn quận; có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất của quận.

3. Thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất;

4. Quản lý sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng.

5. Ngăn chặn, xử lý nghiêm các khu dân cư tự phát và các trường hợp chủ đầu tư có hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, phân lô bán nền trái quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP (1ABD);
- Công TTĐT TPCT;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT. NNQ



Dương Tấn Hiến